SỞ Y TẾ QUẢNG NGÃI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH
Số 1528 /TB-BVĐK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO
V/v xin báo giá vật tư y tế tiêu hao

Lời đầu tiên, Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi xin gửi lời chào trân trọng và hợp tác từ các quý đơn vị.

Căn cứ Công văn số 2092/SYT-NVD ngày 4/8/2023 của Sở Y tế về việc danh mục vật tư y tế tiêu hao, hóa chất, hóa chất xét nghiệm năm 2023- 2024 không lựa chọn được nhà thầu;

Căn cứ Công văn số 2317/SYT-NVD ngày 23/8/2023 của Sở Y tế Quảng Ngãi về việc kết quả lựa chọn nhà thầu vật tư y tế tiêu hao, hóa chất, hóa chất xét nghiệm năm 2023-2024;

Căn cứ Thông tư 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng một số vật tư y tế tiêu hao không có kết quả trúng thầu hoặc trúng thầu nhưng không đủ số lượng, xin mua bổ sung hoặc bổ sung mới để phục vụ công tác khám chữa bệnh của bệnh viện, Bệnh viện đang tiến hành lập kế hoạch mua sắm bổ sung các vật tư y tế tiêu hao này theo hình thức đấu thầu rộng rãi;

Để có cơ sở xây dựng giá kế hoạch, Bệnh viện kính mong các công ty quan tâm gửi báo giá các mặt hàng vật tư y tế tiêu hao theo Danh mục mặt hàng, số lượng như Phụ lục đính kèm.

Các Công ty gửi báo giá ghi rõ "Báo giá vật tư y tế tiêu hao" và gửi về Bộ phận Văn thư của Bệnh viện chậm nhất đến ngày 10 /10/2023.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Các công ty;
- Website BV;
- Phòng VT-TBYT;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NGÃI

Lê Văn Thiều

PHỤ LỤC

DANH MỤC, SỐ LƯỢNG VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO XIN MUA DÙNG TRONG BỆNH VIỆN NĂM 2023-2024

(Đính kèm Thông báo số: 1528 /TB-BVĐK ngày 29 /9/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi)

STT	STT từng nhóm	Tên vật tư y tế	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
	I. Danh mục không trúng thầu tập trung năm 2023				
1	1	Băng keo Tegaderm hoặc tương đương	Kích thước: 10cm x 12cm	Miếng	100
2	2	Băng keo cá nhân	kích thước: 3,8cm x 7,2cm	Miếng	17.800
3	3	Bơm tiêm insulin	100UI - Đường kính nhỏ 31G, - với đường kính lòng kim 0.25mm -Vạch chia từng đơn vị đậm và rõ nét - Có các cỡ: 0.3ml hoặc 0.5ml hoặc 1ml.	Cái	5.000
4	4	Băng cuộn	Kích thước: (9cm đến 10cm) x 5m, vô trùng	Cuộn	5.500
5	5	Băng thun 3 móc	Kích thước: rộng 10cm x dài từ 4m đến 4,5m (không tính độ giãn)	Cuộn	7.800
6	6	Băng thun	Kích thước: 7,5cm x 2m (không tính độ giãn)	Cuộn	4.500
7	7	Băng thun	Kích thước: 7,5cm x 4,5m (không tính độ giãn)	Cuộn	120
8	8	Băng thun 3 móc	Kích thước: (9cm đến 10cm) x (100cm đến 120cm) (không tính độ giãn)	Cuộn	23.700
9	9	Gạc phẫu thuật (đắp bỏng)	Kích thước: 15cm x 20cm x 20 lớp, vô trùng, 1cái/gói	Cái	7.400
10	10	Khẩu trang y tế	Có thanh nẹp mũi, gồm 3 lớp: Một lớp vải chính, một lớp lọc bụi, một lớp than hoạt tính.	Cái	1.000
11	11	Bao cao su	100% Cao su thiên nhiên, rộng: từ 50mm đến 54mm, dài: 180mm đến 210mm	Cái	600
12	12	Đầu cao su tiểu nam (condom ngoài)	* Làm từ cao su tự nhiên * Size: 25mm; 30mm; 35mm	Cái	2.000
13	13	Bông y tế không thấm nước	- Bông không thấm nước, màu trắng ngà. - Độ ẩm (% KL): không quá 8% - Dư lượng vỏ hạt bông, mày bông (% KL): ≤ 1%	Kg	325
14	14	Gạc phẫu thuật bụng	kích thước: 30cm x 40cm x 6 lớp, có cản quang, vô trùng, gói 5 miếng	Miếng	13.000
15	15	Gạc dẫn lưu tai mũi họng	Kích thước: 0,75cm x 200cm x 4 lớp, vô trùng	Gói	1.100
16	16	Que lấy bệnh phẩm	Que quấn tăm bông, vô trùng, chiều dài que ≥150mm	Cái	480
17	17	Airway (Ngáng miệng)	Bằng nhựa PVC y tế, các số	Cái	364
18	18	Dây thở Oxy	Một nhánh, chất liệu nhựa PVC, có chiều dài 400mm. Tiệt trùng bằng khí E.O	Dây	1.000
19	19	Ống nội khí quản 2 nòng trái, phải (sonde carlen)	* Nguyên liệu thermosensitive clear PVC nhạy cảm nhiệt. * Bóng Soft-Seal thể tích lớn áp lực thấp. Bóng phế quản hình quả đậu màu xanh chứa chất cản quang * Chiều dài ống nội phế quản và đường kính 2 bóng lần lượt (Fr x mm/mm): - Nội phế quản phải: 28 x 23/13; 32 x 24/13; 35 x 26/21; 37 x 28/21; 39 x 29/21; 41 x 31/21. -Nội phế quản trái: 28 x 23/12; 32 x 24/13; 35 x 26/18; 37 x 28/18; 39 x 29/23; 41 x 31/23. * Độ cong tương thích giải phẫu, có đường cản quang xanh đậm dọc ống, co nối vuông góc 90 độ. * Đóng gói có 4 dây hút nhớt chuyên phế quản đi kèm. * Tiêu chuẩn CE, ISO.	Cái	5
20	20	Ống nội khí quản	Kèm theo ống hút. Từ số 5,0 đến số 8,0	Cái	10
21	21	Ống dẫn lưu ổ bụng	Số 28, tiệt trùng, 1 cái/1 bì	Cái	755
22	22	Sonde hút nhớt	Các số 6-8-10-12-14-16-18. Chất liệu nhựa PVC. Tiêu chuẩn ISO 13485,	Cái	74.000

STT	STT từng nhóm	Tên vật tư y tế	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
23	23	Sonde dạ dày	Các số từ 8 đến 18. Chất liệu nhựa PVC y tế, dây dài tối thiểu 1.250mm, trên thân dây có 4 vạch đánh dấu, có 4 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên đầu thành ống. Một đầu ống dây gắn phễu, một đầu được bo tròn. Tiệt trùng bằng khí E.O.	Cái	4.000
24	24	Sonde màng phổi	Chất liệu PVC, có nhiều lỗ dẫn lưu, các cỡ	Cái	200
25	25	Sonde nelaton	Chất liệu cao su mềm, từ số 6 đến số 16	Cái	198
26	26	Sonde Telfon Guidewire	Dây dẫn đường loại thường, chất liệu Telfon; cỡ 0.035 inches, 0.038 inches, dài 150cm. Túi 1 cái vô trùng	Cái	44
27	27	Chỉ Polydioxanone 4/0	Chiều dài chỉ 70cm, kim tròn đầu tròn, 1/2C, kim dài 20mm	Tép	140
28	28	Chỉ Polydioxanone 5/0	Chiều dài chỉ 70cm, kim dài 13mm, 3/8C, kim tròn đầu tròn	Tép	48
29	29	Chỉ Polypropylene số 0	Chiều dài chỉ 75cm đến 100cm, 1 kim tròn đầu tròn, kim dài từ 30mm đến 40mm, 1/2C.	Tép	144
30	30	Chỉ Polypropylene 6/0	Chiều dài chỉ 60cm, 2 kim tròn đầu tròn, kim dài 11mm, 3/8C	Tép	24
31	31	Chỉ Polypropylene 7/0	Chiều dài chỉ 60cm, 2 kim tròn đầu tròn, kim dài ≥ 8mm, 3/8C	Tép	156
32	32	Chỉ silk 3/0 không kim	Chiều dài chỉ 150cm, không kim	Tép	960
33	33	Chỉ thép wire mono số 1	cuộn dài 25m	Cuộn	13
34	34	Chỉ Polyglactine 910 số 1 khâu gan	Sợi chỉ được bọc bởi 50% là Polyglactine 370 và 50% là Calcium Stearate, dài 100cm, kim đầu tù khâu gan, kim dài 65mm, 3/8C. Thời gian giữ vết khâu: 28 - 35 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày. Tiêu chuẩn CE.	Tép	48
35	35	Chỉ Thép số 1	Chiều dài chỉ 45cm, chiều dài kim 40mm, kim 1/2C, kim tam giác.	Tép	12
36	36	Bộ gây tê ngoài màng cứng	Kim Tcuhy 18G màu hồng, đầu cong, chiều dài 80mm; Catheter 20G, có đặc tính cản quang. Thiết kế 3 lỗ thoát thuốc nằm ở các vị trí 3mm, 7mm và 11mm so với đầu cathter - cho phép góc bơm thuốc tối đa 120 độ. Bơm kháng lực (LOR) dung tích10 ml; Thiết bị lọc với lỗ lọc micro được ứng dụng công nghệ hạt nhân, kích thước 0.2 micron. Phụ kiện: miếng dán cố định catheter; miếng dán cố định bộ lọc. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Bộ	113
37	37	Bẫy nước dùng để phân tích khí mê	Bẫy nước có khả năng phân tách nước, bảo vệ sensor phân tích khí trong máy. Bẫy nước tương thích với khối phân tích nồng độ khí mê của máy theo dõi bệnh nhân 8 thông số Carescape B650.	Bộ	30
38	38	Dây garo	Dây garo chất liệu vải có khóa	Cái	100
39	39	Kim chọc tủy dùng nhiều lần	Kim chọc tủy xương, dùng nhiều lần	Cây	3
40	40	Kim luồn tĩnh mạch	có các số từ 18G đến 24G	Cái	5.500
41	41	Giấy điện tim 3 cần	Kích cỡ: 80mm x 30m	Cuộn	40
42	42	Bộ dây truyền dịch	Sản xuất từ nguyên liệu PVC. Theo tiêu chuẩn ISO. Nhỏ giọt với 20 giọt = 1 ml.• Chiều dài ống từ 150cm trở lên. Với cổng kết nối chữ Y. • Kẹp con lăn để kiểm soát dòng chảy. • Phần dưới cùng của buồng, ống và kết nối được làm bằng vật liệu mờ. • Khóa khớp với bộ lọc chất lỏng 15µm. Kết nối với đầu slip-lock/ luer-lock. Màng lọc có chức năng lọc vi khuẩn 20µm. Vô trùng EO. Không chứa chất gây sốt (Non toxic, Pyrogen fee). Không chứa latex.	Bộ	18.000
43	43	Ampu bóp bóng người lớn, trẻ em	chất liệu PVC hoặc silicon	Cái	10
44	44	Mask gây mê	Các size, chất liệu silicon hoặc nhựa PVC	Cái	100
45	45	Mặt nạ bóp bóng rời	Chất liệu nhựa	Cái	14
46	46	Bóng mềm gây mê	Dung tích: 0.5 lít, 1 lít, 2 lít, 3 lít	Cái	24

STT	STT từng nhóm	Tên vật tư y tế	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
47	47	Túi chườm nóng	Chất liệu cao su	Túi	20
48	48	Túi đựng oxy	Chất liệu bằng cao su	Cái	50
49	49	Sonde Pezzer	chất liệu cao su, các cỡ	Cái	22
50	50	Giấy in nhiệt	kích cỡ: 110mm x 20m	Cuộn	12
51	51	Miếng dán phẫu thuật trước mổ	Opsite Incise 28cm x 15cm	Miếng	30
52	52	Nẹp cổ tay trái, phải	Vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Khóa Velcro, nẹp hợp kim nhôm. Các cỡ.	Cái	10
53	53	Ống nghiệm	Falcol nhựa tiệt trùng, 15ml, đáy nhọn, nắp vặn tiệt trùng	Cái	700
54	54	Găng tay y tế chưa tiệt trùng	Chất liệu cao su, có bột, dài 275-280mm, các cỡ (S, M hoặc tương đương các số 7; 7,5), hấp được	Đôi	400.000
55	55	Gel siêu âm	Can 5lít	Can	230
56	56	Gel điện não, điện cơ	- Dạng gel, cân bằng chính xác của độ bám dính và độ dẫn, cho phép các điện cực giữ nguyên vị trí trong lúc truyền tín hiệu điện. Tiêu chuẩn: ISO 13485 - Lọ ≥ 200g	Lọ	3
57	57	Giấy in nhiệt	Kích cỡ: 57mm x 20m	Cuộn	562
58	58	Giấy in nhiệt	Kích cỡ: 57mm x 30m	Cuộn	40
59	59	Giấy in siêu âm màu, nội soi UPC-21S hoặc tương đương	Giấy in màu -Kích thước: 100 x 90 mm. -Dung lượng: 240 tờ -03 ribbon mực màu	Hộp	28
60	60	Phim X quang kỹ thuật số DI - HL hoặc tương đương	35cm x 43cm, sử dụng tương thích với máy in phim Drypix 4000	Tấm	50.000
61	61	Đai xương đòn	có các cỡ tương ứng số 5; 6; 7; 8	Cái	146
62	62	Cassette phẫu thuật mắt	Dùng trong phẫu thuật phaco	Cái	30
63	63	Chất nhầy DUOVISC hoặc tương đương	Hộp dịch nhầy được thiết kế với 2 ống dịch nhầy khác nhau, sử dụng trong mổ đục thủy tinh thể - Ống 1 (0.4ml): 1 ml chứa 10 mg sodium hyaluronate - Ống 2 (0.35ml): 1 ml chứa 40 mg sodium chondroitin sulfat, 30 mg sodium hyaluronate 30mg/ml)	Hộp	43
64	64	Thủy tinh thể mềm HOYA iSert 251 hoặc tương đương	Chất liệu Acrylic Hydrophobic, thiết kế một mảnh. Lọc ánh sáng xanh do chất liệu Acrylic hydrophobic kết hợp với chất chromophore (HMPQ), lọc tia tử ngoại UV. Thiết kế phi cầu cân bằng (ABC: Aspherical Balanced Curve). Đường kính optic ≥ 6 mm/chiều dài thủy thể ≤ 12,5 mm. Optic thiết kế rìa vuông 360 độ Càng chất liệu PMMA. Chất liệu càng acrylic hydrophobic gắn khối một mảnh với phần đầu càng bằng PMMA. Thủy tinh thể được cài đặt sẵn trong injector và cartridge. Đầu cartridge cho phép đưa qua vết mổ 2,2-2,4mm. Thủy tinh thể thiết kế mở bung dễ dàng trong mắt. Hằng số A ≥ 118.4. Có các cỡ diop từ +6 đến +30 Diopter. Tiêu chuẩn ISO; EC.	Hộp	200
65	65	Thủy tinh thể nhân tạo mềm HOYA Isert 151 hoặc tương đương	Thủy tinh thể mềm 1 mảnh, màu vàng chất liệu Acrylic Hydrophobic; Lọc ánh sáng xanh, lọc tia cực tím. Đường kính optic ≤ 6,0 mm, chiều dài thủy thể ≥ 12,5 mm; Bề mặt thủy tinh thể mịn; Optic thiết kế rìa vuông 360 độ; Càng thiết kế chữ C, chất liệu acrylic hydrophobic. Thủy tinh thể được cài đặt sẵn trong injector liền cartridge. Qua vết mổ 2,4 - 2,6mm; Chỉ số khúc xạ ≥ 1,52; Độ sâu tiền phòng ACD ≥ 5,20 mm; Hằng số A ≥ 118,4. - Tiêu chuẩn: Châu Âu - EC, ISO	Cái	15

STT	STT từng nhóm	Tên vật tư y tế	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
66	66	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu lắp sẵn	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu, 1 mảnh, kỵ nước, bề mặt phủ Heparin. Càng chữ C hoặc L. Góc càng ≥ 5 độ. Thiết kế Optic theo dạng bờ vuông hoặc cạnh vuông 360 độ, được cắt bằng dao kim cương. Đường kính optic ≤ 6mm, đường kính tổng ≥ 13mm. Dải công suất từ +4.00D đến +33.50D. Kích thước vết mổ ≥ 2.2mm và ≤ 2.3mm. Chỉ số khúc xạ ≥ 1.49. Chỉ số SF ≤1.8. Độ dày càng kính ≤0.325 mm. Kính lắp sẵn hoàn toàn trong cartridge kèm injector dùng 1 lần.	Cái	15
67	67	Màng lọc máu thận nhân tạo High-flux	Diện tích 1.8m^2, Hệ số siêu lọc Kuf = 64(ml/h x mmHg) Thanh thải Urea KoAUrea = 1,429 Thanh thải ở lưu lượng máu 300 ml/ph (Urea: 280, Creatinine: 261, Phosphate: 248, Vitamin B12: 190, Inuline:127, Cytochrome C: 111) Đạt tiêu chuẩn: ISO; EC Phương pháp tiệt trùng: INLINE steam	Màng	1.600
68	68	Quả lọc thận high flux	Tiêu chuẩn: EN ISO 13485, EC. Chất liệu α Polysulfone Pro hoặc Polyethersulfone, tiệt trùng bằng tia gamma, hoặc bằng hơi nước, diện tích 1,6 m^2. Hệ số siêu lọc: từ 68 - 85 ml/h/mmHg. Độ thanh thải ở tốc độ máu 300ml/phút và tốc độ dịch 500 ml/phút: Urea từ 250 - 270 ml/phút, Creatinine từ 248 - 227 ml/phút, Phosphate từ 218 - 230ml/phút, Vitamin B12 từ 166 - 170 ml/phút, Inulin 106, Cytochrome C 81.	Quả	1.000
69	69	Ống Eppendorf	Chất liệu nhựa, 1,5ml. Gói 500 cái	Gói	45
70	70	Đầu col vàng	Chất liệu nhựa	Cái	187.000
71	71	Đầu col xanh	Chất liệu nhựa	Cái	39.000
72	72	Ống Cryo	1.8 ml không tiệt trùng. Hệ thống nắp vặn dùng lưu mẫu, vận chuyển mẫu.	Ống	1.200
73	73	Ống nghiệm chống đông	Dung dịch chất chống đông: Trisodium Citrate hoặc Sodium Citrate; Ống nghiệm được hút chân không với thể tích mẫu 1,8ml; Chất liệu ống: PET; Kích thước ống: đường kính ngoài (12-13)mm; chiều dài ống 75mm; Nắp nhựa màu xanh bọc cao su; Quy cách đóng gói: hộp 100 ống; Tiêu chuẩn: ISO 9001, ISO 13485	Ống	4.800
74	74	Dãy strip 8 ống 0.2ml PCR kèm nắp bằng nhựa bằng nhựa, loại trong	Thành mỏng, dùng cho phản ứng PCR, kèm nắp nhựa trong - Kín, không rò rỉ dung dịch. - Thể tích 0,2ml. - Đã tiệt trùng. - Không chứa DNAase, RNAase.	Dãy	125
75	75	Ống lưu mẫu Cryo Tube	Kín, không rõ rỉ.Tiệt trùng nắp xoáy 1.8ml	Ống	200
76	76	Môi trường vận chuyển bảo quản mẫu bệnh phẩm vi rút	- Dùng vận chuyển, bảo quản mẫu bệnh phẩm vi rút, thể tích 15ml. - Kín, không rõ rỉ. - Bảo quản ở nhiệt độ phòng.	Ống	1.000
77	77	Bộ dẫn truyền cảm ứng 2 đường	Chất liệu: PVC y tế. Đầu cannula hình chữ J. 2 cảm biến nhạy. Duy trì tốc độ chậm 2-3ml/giờ, tub màu trắng và màu đỏ phân biệt đường động mạch và tĩnh mạch.	cái	10
78	78	Bóng đèn đặt nội khí quản	Bóng đèn thủy tinh	Cái	40
79	79	Buồng tiêm dưới da các cỡ (Người lớn, trẻ em)	Chất liệu: Titanium bọc nhựa Polyoxymethylene tương thích sinh học. Tương thích MRI. -Đặc điểm buồng tiêm: Đường kính đáy: 25.8mm x 20.8mm. Cao: 10.1mm. Đường kính màng ngăn: 10.5mm. Trọng lượng: 5g. Đường kính phần nối với catheter từ buồng tiêm: 1mm. Thể tích trong: 0.35ml - Đặc điểm Catheter: Bằng Silicon tương thích sinh học. Trên catheter đánh dấu mỗi cm, đánh số 5cm một đoạn (từ 5cm đến 40cm). Phát hiện được dưới X-quang. Đường kính ngoài: 2.16mm. Đường kính trong: 1.02mm. Dài: 600mm. Thể tích trong: 0.092ml/10cm. Cỡ của nong dẫn: 7Fr. Tốc độ dòng chảy (ml/phút): 22G: 13, 20G: 27, 19G: 29. - Phụ kiện kèm theo: 2 khóa hãm catheter (phát hiện được dưới x-quang). 1 kim thẳng Huber 23G. 1 thông dẫn catheter. 1 thông dẫn kèm dây dẫn đường J guidewire (0.035"-60cm). 1 kim chọc mạch 18G, 70mm. 1 dụng cụ tạo đường hầm fi 2.5mm và dài 23cm. 1 kim rửa catheter. 1 bơm tiêm 10ml.	Bộ	2
80	80	Cassette nhựa	Chất liệu nhựa; nhiều màu, không nắp	Cái	7.500

STT	STT từng nhóm	Tên vật tư y tế	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
81	81	Dây cưa sọ não Olivecrona unbreakable wire saw hoặc tương đương	Đường kính 1.3mm, dài 400mm, hai đầu dây cưa khớp với bộ phẫu thuật sọ não tại bệnh viện (chứng minh khi cung cấp hàng trúng thầu). - Vật liệu thép không gỉ, sản xuất theo tiêu chuẩn Din EN 10088 T.1-3, Din EN ISO 7153-1, F 899-7	Sợi	50
82	82	Dây garo	Vải thun có băng dán	Cái	2.000
83	83	Điện cực dán đo vận động dẫn truyền dành cho máy điện cơ	Kích thước điện cực: loại đĩa 20mm; cảm biến bằng Ag/AgCl, kết nối thiết bị bằng cổng 1,5mm; dây dẫn có 4 màu khác nhau (*để phân biệt*) cho mỗi bộ; tương thích cho các kỹ thuật đo điện cơ; Dây dài 100cm; Tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	3
84	84	Điện cực đất loại dán dành cho máy điện cơ	Kích thước điện cực: 40x50 mm; Kích thước tiếp xúc: 40x50 mm; cảm biến bằng Ag/AgCl, kết nối thiết bị bằng cổng DIN 42802; tương thích cho các kỹ thuật đo điện cơ; Dây dài 100cm; Tiêu chuẩn ISO 13485,	Hộp	2
85	85	Lam kính	Hộp ≥72 cái	Hộp	288
86	86	Lam kính mài nhám	Hộp ≥72 cái	Hộp	84
87	87	Lamen	Hộp 100 cái. Kích thước 22x22mm	Hộp	360
88	88	Ligaclip extra LT300 hoặc tương đương	Chất liệu titanium	Cái	520
89	89	Lưỡi dao bào da (lạng da)	1 túi/1 cái. Tiệt trùng bằng tia Gamma	Cái	136
90	90	Lưỡi dao cắt vi phẫu	Dùng để cắt tiêu bản, Hộp 50 lưỡi	Hộp	8
91	91	Lưới điều trị thoát vị Prolene soft mesh SPMS hoặc tương đương	Kích thước: (từ 6cm đến 6,4cm) x (từ 11cm đến 11,4cm), -thành phần polypropylene không tiêu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	miếng	60
92	92	Lưới điều trị thoát vị Prolene soft mesh SPMS hoặc tương đương	Kích thước: 15cm x 15cm, -thành phần polypropylene không tiêu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Miếng	60
93	93	Bông xốp cầm máu	Kích thước: 5cm x 8 cm. Chất liệu bông xốp collagen tan tự nhiên.	Miếng	285
94	94	Phin lọc khuẩn cho máy đo chức năng hô hấp	Filter lọc khuẩn cho máy đo chức năng hô hấp được thiết kế có đầu ngậm, hiệu quả lọc tối đa: Lọc khuẩn BFE ≥ 99,9%, Lọc Virut VFE ≥ 99,9%, chất liệu màng lọc Electrostatic	Cái	300
95	95	Rọ lấy sỏi	Cỡ 3Fr, 4 cành, dài khoảng 90cm, đầu xoắn	Cái	15
96	96	Nắp đậy Trocar	5.5mm, nhựa dẻo, màu đỏ, sử dụng phù hợp cho dây soi Olympus	Cái	50
97	97	Nắp đậy Trocar	11 mm, màu xanh, sử dụng phù hợp cho dây soi Olympus	Cái	50
98	98	Đĩa đệm nhân tạo	Chất liệu PEEK - Cao 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16mm, dài 24mm, rộng 9mm - Mặt răng cưa nghiêng 0/ 4/ 8° - Có 3 điểm đánh dấu cản quang	Cái	11
99	99	Lưới Vá sọ Titan Tinh Khiết 3D	Chất liệu: Titan . - Thiết kế:Cấu trúc lưới có thể uốn 3 chiều (3D). - Có lỗ bắt vít chìm. - Rộng: 89mm đến 90mm, - Dài: từ 90mm đến 135mm - Độ dày: 0.4mm; 0.6mm	Cái	1
100	100	Nẹp thẳng vá sọ Titan	Chất liệu: Titan. - Nẹp từ 4 lỗ đến 16 lỗ - Độ dày nẹp: 0.3mm đến 1.0mm	Cái	3
101	101	Vít răng hàm mặt (vít mặt)	Chất liệu Titan, Ø2mm, dài từ 6mm đến 10mm	Cái	650
102	102	Nẹp nén ép bản hẹp các cỡ	Chất liệu thép không rỉ. vít Ø4.5mm, - Nẹp có 6, 8, 10 lỗ	Cái	27
103	103	Nẹp nén ép bản rộng các cỡ	Chất liệu thép không rỉ. vít Ø4.5mm, - Nẹp có 8, 10, 12 lỗ	Cái	15
104	104	Vít xương xốp mắt cá các cỡ	Chất liệu thép không rỉ. Ø4.5mm, dài 30- 50 mm	Cái	50

STT	STT từng nhóm	Tên vật tư y tế	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
105	105	Băng đạn dùng cho dụng cụ khâu cắt nội soi đa năng	Băng đạn nội soi loại nghiêng 45mm, dùng cho mô trung bình đến mô dày, có lưỡi dao mới trong mỗi băng đạn, thiết kế 3 hàng ghim dập có chiều cao ghim khác nhau chiều cao kim 3mm - 3,5mm - 4mm trong mỗi băng đạn, tiêu chuẩn FDA	Cái	12
106	106	Endopath Xcel B11LT hoặc tương đương	Đường kính 11 mm	Cái	7
107	107	Endopath Xcel Bladeless Trocar B5LT hoặc tương đương	Đường kính 5 mm	Cái	7
108	108	Stapler thẳng (Endo stapler) dùng để cắt phổi	*Dụng cụ khâu cắt thẳng 45 mm, dài 34 cm, gập góc 45 độ, dao theo máy hình chữ C bằng thép đúc 400 không ri + băng gim của dụng cụ khâu cắt thẳng 45 mm, kim đóng bằng Titanium Alloy 1.0/ 1.5/ 2.0 mm. *Dụng cụ khâu cắt thẳng 60mm, dài 34 cm, gập góc 45 độ, dao theo máy hình chữ C bằng thép đúc 400 không ri, + băng gim của dụng cụ khâu cắt thẳng 60 mm, kim đóng bằng Titanium Alloy 1.0/ 1.5/ 2.0 mm.	Bộ	1
109	109	Kim đốt RFA đơn cực	Sử dụng tương thích với máy Cool-tip ™ RFA. Một điện cực đơn cực tích hợp thước đo dài 17cm Hai điện cực bệnh nhân (REM) Bộ ống dẫn cấp và thoát nước Chiều dài: 7.87 "(20 cm) Đầu dò điện cực: 3.0cm	Cái	3
110	110	Dụng cụ cắt nối thẳng Echelon flex - EC45A/EC60A hoặc tương đương	*Dụng cụ khâu cắt thẳng 45mm, dài 34cm, gập góc 45 độ, dao theo máy hình chữ C bằng thép đúc 400 không ri + Băng ghim của dụng cụ khâu cắt thẳng 45mm, kim đóng bằng Titanium Alloy *Dụng cụ khâu cắt thẳng 60mm, dài 34cm, gập góc 45 độ, dao theo máy hình chữ C bằng thép đúc 400 không ri + Băng ghim của dụng cụ khâu cắt thẳng 60mm, kim đóng bằng Titanium Alloy	Cái	10
111	111	Băng đạn của dụng cụ khâu cắt thẳng	Băng ghim của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi đa năng Echelon 45mm/60mm làm bằng titanium alloy với 6 hàng ghim, chiều cao ghim đóng 1mm; 1.5mm; 2mm.	Cái	48
112	112	Dụng cụ khâu nối vòng Kangdi Hem Stapler hoặc tương đương	Dụng cụ cắt khâu nối dùng trong kỹ thuật Longo khâu cắt, treo trĩ, sa trực tràng, lên đến 4 lỗ kéo chỉ, chiều cao ghim 4.2mm, đường kính ngoài 32mm hoặc 33.5mm, đường kính trong 23mm hoặc 24.2mm. Có bộ phận hiển thị mức độ kẹp mô phù hợp. Độ dập ghim ép mô 1.5-.08	Cái	10
113	113	Đèn Clar khám tai mũi họng	Đèn không dây cục sạc gián tiếp. *Trọng lượng: 200g ± 10%. * Bóng đèn LED ánh sáng trắng 3.2V. * Gương cầu chuẩn có thể điều chỉnh được từ 1.0cm đến 6.0cm.. * Có pin sạc dung lượng cao.	Cái	10
114	114	Dao siêu âm	Dao siêu âm mổ mở lưỡi móc, cán dài 4-9cm, kết hợp với dây dao Harmonic Xanh HPBLUE và máy phát chính GEN11	Cái	1
115	115	Dây dao siêu âm mổ mở	Bộ phận tạo ra sung động siêu âm, kết nối giữa máy phát Harmonic và dao siêu âm mổ mở (Dùng cho máy Gen 11 và Gen 4)	Cái	1
116	116	Dây dao siêu âm mổ nội soi	Bộ phận tạo ra sung động siêu âm, kết nối giữa máy phát Harmonic và dao siêu âm mổ nội soi (Dùng cho máy Gen 11 và Gen 4)	Cái	1
117	117	Tay dao siêu âm mổ mở dạng kéo cong	Dụng cụ dài 17cm, sử dụng sóng siêu âm để cắt mô và hàn được mạch máu tối đa 5mm, kết nối với dây dao HPBLUE, dùng trong mổ hở bướu giáp	Cái	1
118	118	Tay dao siêu âm mổ mở dạng kéo cong	Dụng cụ dài 9cm, sử dụng sóng siêu âm để cắt mô và hàn được mạch máu tối đa 5mm, kết nối với dây dao HPBLUE, dùng trong mổ hở bướu giáp	Cái	1
119	119	Tay dao siêu âm mổ mở Lưỡi thiết kế dạng kéo cong	Dụng cụ dài 23cm, đường kính 5mm, sử dụng sóng siêu âm để cắt mô và hàn được mạch máu tối đa 5mm, kết nối với dây dao HP054	Cái	1
120	120	Tay dao siêu âm mổ nội soi Lưỡi thiết kế dạng kéo cong	Dụng cụ dài 36cm, đường kính 5mm, sử dụng sóng siêu âm để cắt mô và hàn được mạch máu tối đa 5mm, kết nối với dây dao HP054	Cái	4
121	121	Ance cắt đốt u xơ tiền liệt tuyến A22201A hoặc tương đương	Điện cực cắt rạch hình vòng 24Fr, dây cắt 0.35	Cái	10

STT	STT từng nhóm	Tên vật tư y tế	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
122	122	Banh bảo vệ đường mổ dùng 1 lần	Đường kính vòng trên 80mm, đường kính vòng dưới 90mm, chiều cao 150mm, đường kính lòng banh 80mm, sử dụng cho đường rạch kích thước 2.5-6cm Chất liệu Vòng banh: PU (polyurethane), thân banh: PU (polyurethane) + silicon gel Banh được thiết kế tự giữ giúp bác sỹ rảnh tay trong quá trình phẫu thuật	Cái	70
123	123	Banh bảo vệ đường mổ dùng 1 lần	Đường kính vòng trên 150mm, đường kính vòng dưới 160mm, chiều cao 150mm, đường kính lòng banh 150mm, sử dụng cho đường rạch kích thước 7-13cm. Chất liệu Vòng banh: PU (polyurethane), thân banh: PU (polyurethane) + silicon gel Banh được thiết kế tự giữ giúp bác sỹ rảnh tay trong quá trình phẫu thuật	Cái	220
124	124	Banh bảo vệ đường mổ dùng 1 lần	Đường kính vòng trên 180mm, đường kính vòng dưới 190mm, chiều cao 250mm, đường kính lòng banh 180mm, sử dụng cho đường rạch kích thước 9-16cm Chất liệu Vòng banh: PU (polyurethane), thân banh: PU (polyurethane) + silicon gel Banh được thiết kế tự giữ.	Cái	120
125	125	Kim đốt RFA đơn cực	Sử dụng tương thích với máy Cool-tip ™ RFA. Một điện cực đơn cực tích hợp thước đo dài 17cm Hai điện cực bệnh nhân (REM) Bộ ống dẫn cấp và thoát nước Chiều dài: 7.87 "(20 cm) Đầu dò điện cực: 2.0 cm	Cái	5
126	126	Bộ dây máy gây mê người lớn dùng 1 lần	Bộ dây gồm: - Dây 2 nhánh có thể co giãn 1,8m, có cổng trích khí CO_2 - Dây nối dài 0,9m - Túi mê 2L	Bộ	60
127	127	Bộ dây máy gây mê trẻ em dùng 1 lần	Bộ dây gồm: - Dây 2 nhánh có thể co giãn 1,8m, có cổng trích khí CO_2 - Dây nối dài 0,9m - Túi mê 2L	Bộ	60
128	128	Bộ kim luồn dây nối an toàn hệ thống kín	Gồm: kim luồn an toàn và dây nối 3 chạc -có 2 cổng bơm truyền kín, -chất liệu nhựa Vialon, có đầu bảo vệ toàn bộ thân kim bằng nhựa nguyên khối	Bộ	100
129	129	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản bao gồm tay cầm chất liệu ergonomic, và 1 đầu thắt với 6 vòng thắt, đường kính kênh làm việc tối thiểu 2.8mm; đường kính ngoài dây soi: 9,5 mm. Có kênh bơm rửa nước	Cái	80
130	130	Thun cao su thắt trĩ	Vòng cao su. Quy cách: tối thiểu 100 cái/ hộp	Cái	200
131	131	Kẹp cầm máu	Đường kính mở 11mm, chiều dài ống thông 155cm, 355cm	Cái	50
132	132	Clip cầm máu loại chuẩn	Clip cầm máu có đường kính mở 9- 18mm, xoay 2 chiều 360 độ, với độ mở 135 độ; Chiều dài các cỡ 1800mm, 2300mm. Sau khi bắn ra, cánh clip có độ dài tương ứng là 12,5-14,5mm, Đường kính ngoài của ống tube tối đa 2.6mm. - Đóng mở được nhiều lần	Cái	230
133	133	Kim chích cầm máu	Kim chích xơ, cầm máu nội soi, kích cỡ kim 21-25G. Kim dài 4-6mm. Đường kính dây dẫn 1650-2300 mm. Có ngã bơm rửa.	Cái	10
134	134	Dao cắt cơ vòng ba kênh	dao cắt cơ vòng 3 kênh, có thể xoay được (ERCP): ,Chiều dài Catheter: 1700-2000 mm tương thích dây dẫn: 0.035 inch Dây cắt: 20-30 mm Chiều dài đầu: 3-7 mm. Có màu đánh dấu với vòng màu đen, đầu tip cản quang.	Cái	6
135	135	Dây dẫn đường	Dây dẫn đường dùng trong ERCP: Đầu dây dẫn thiết kế dạng xoắn, có các điểm đánh dấu màu đen và vàng. 5-7cm đầu típ bằng chất liệu Hydrophilic. Đầu tip có hai hình dạng: dạng thẳng hoặc cong. Chiều dài dây dẫn tùy chọn từ 270cm đến 450cm, đường kính dây dẫn hướng từ 0.025inch-0.035inch.	Cái	4

STT	STT từng nhóm	Tên vật tư y tế	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
136	136	Bộ đặt stent	Bộ đẩy stent nhựa đường mật có đường kính ống các cỡ 7F; 8.5F, 10F. Chiều dài làm việc 202.5cm. Catheter có đánh dấu điểm trong x-quang, tay cầm có khóa cơ học, có kênh đi guidewire.	Cái	2
137	137	Cannula ECMO động mạch 01 nòng	Phủ chất chống đông máu Bioline - Thời gian sử dụng lên đến 30 ngày khi dùng với bộ phổi HLS hoặc PLS - Bộ gồm cannula, dụng cụ đặt, dây hỗ trợ cố định, miếng dán cố định bằng nhựa - Các cỡ đường kính từ 15Fr đến 23Fr, chiều dài 15cm hay 23cm - Chất liệu của các chi tiết: - Cannula: polyurethane (PUR), thép không ri - Dụng cụ đặt: polypropylene (PP), không chứa phthalate, polyvinyl chloride (PVC-P) dẻo với $BaSO_4$, không chứa DEHP	Cái	10
138	138	Meritrans DTX plus hoặc tương đương	Bộ dẫn truyền cảm ứng theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường bằng PVC, đầu truyền dịch hình chữ J. Có dây nối phụ phân biệt xanh (tĩnh mạch) đỏ (động mạch). - áp lực đo từ -30 đến 300mmHg, độ nhạy 5µv/v/mmHg. - Nhiệt độ hoạt động từ 15^0C đến 40^0C - Trở kháng kích thích: >200 ohms - Trở kháng tín hiệu đầu ra: <3000 ohms - Đối xứng đầu dò: ±5% - Lệch vị trí số không (Cân bằng Zero) :± 40mmHg - Độ chính xác: Sai số tối đa do tổng hiệu ứng của các biến thiên phi tuyến, độ trễ và độ nhạy sẽ không quá 2% số đọc hoặc ± 1 mmHg, tùy theo giá trị nào lớn hơn trong phạm vi hoạt động. (Đo áp lực trước và sau màng)	Cái	20
139	139	Clamp kẹp ống ECMO	Kẹp Catheter dùng khi thay bộ chuyển tiếp	Cái	5
140	140	Dây nối chịu áp lực cao	Dây bơm thuốc áp lực cao có độ dài 150cm. Chất liệu PVC TPU. Chịu được áp lực 1200 psi	Dây	150
141	141	Bóng nong điều trị hẹp mạch máu não	Ống thông 2 nòng có gắn bóng nong dùng trong can thiệp điều trị xơ vữa động mạch nội sọ. - Đường kính 1.5, 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0mm, chiều dài bóng nong 8mm, đường kính trong 0.0165"-0.017'. - Đường kính ngoài đầu xa - gần là 2.7F/ 3.7F, chiều dài 150cm. - Áp lực danh nghĩa 6 atm, áp lực tối đa 14 atm. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE.	Cái	3
142	142	Dây dẫn can thiệp mạch não	Dây dẫn chất liệu công nghệ Nitinol- stainless hypbrid, lớp vỏ là PTFE, đặc biệt đầu gần là PTFE mật độ cao giúp giảm ma sát, phủ Hydrophilic dài 200 cm trong đó chiều dài đầu xa là 40 cm với lõi là Nitinol. Đường kính đầu gần 0.014 inches và đường kính đầu xa là 0,012 inches. Chiều dài đầu xa có thể uốn được là 1,4cm.	Cái	10
143	143	Dụng cụ lấy huyết khối mạch máu não	Stent nitinol dùng để lấy huyết khối trong can thiệp điều trị đột quỵ mạch não. - Chất liệu Nitinol, có 3 X-ray marker ở đầu xa của stent. - Thiết kế hybrid kết hợp giữa mắt lưới lớn và mắt lưới nhỏ. - Đường kính 2.5mm, 3.5mm, 4.5mm, 6.0mm - Chiều dài 16, 28, 30, 40, 50mm. - Stent tương thích với mạch máu đường kính 1.0-2.0mm, 1.5-3.0mm, 2.0-4.0mm, 3.5-5.5mm. - Tương thích với ống thông có đường kính trong 0.0165". 0.021" và 0.027". - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE.	Cái	5
144	144	Ống hút huyết khối mạch não đường kính trong lớn các cỡ	Kích cỡ đường kính ngoài đầu gần: 6F, đường kính trong đầu xa: .072"; 0.068" Đường kính ngoài đầu xa: 6F. Chiều dài 132 cm. Có nhiều đoạn chuyển tiếp.	Cái	2
145	145	Kìm cắt vòng xoắn kim loại bít túi phình mạch	Kìm cắt tách vòng xoắn kim loại đã được tích điện sẵn. Được sử dụng để cắt vòng xoắn trong vòng 0.75 giây/ vòng xoắn.	Cái	5
146	146	Ống thông chẩn đoán mạch máu	Ống thông chẩn đoán ngoại biên. Có cấu trúc lưới kép - Đường kính trong 0.040""(1.02mm) loại 4F, 0.046"" (1.17mm) loại 5F - Đủ kích thước: dài 65cm, 100cm, 125cm - Tương thích guide wire 0.035"; 0.038".	Cái	2

STT	STT từng nhóm	Tên vật tư y tế	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
147	147	Ống thông chụp mạch não	Cấu tạo: 3 lớp, với lưới đan thép không gỉ (SUS). Bề mặt phủ lớp polyamide, đầu tip bo tròn, cấu trúc đồng trục. Kích thước: 5Fr (đường kính trong 0.043"). Chiều dài 100cm. Bề mặt cản quang. Tương thích guidewire 0.038". Giới hạn áp lực 1000psi (6,895kPa)	Cái	10
148	148	Ống thông dẫn đường can thiệp các loại	Kích cỡ 6F. Đường kính trong lớn loại 0.070" và 0.088". Chiều dài loại 0.070": 105cm; Chiều dài loại 0.088": 80cm; 90cm. Đường kính ngoài đầu gần/đầu xa 8F/8F đối với loại 0.088", đường kính đầu gần/đầu xa 6F/6F đối với loại 0.070" .	Cái	5
149	149	Khung giá đỡ hẹp mạch nội sọ (không phủ thuốc)	Stent tự giãn nở dùng trong can thiệp điều trị xơ vữa động mạch nội sọ. - Đường kính 3.0mm, 4.0mm, 5.0 mm. - Chiều dài 15mm, 20mm, 25mm, 30mm. - Stent tương thích với mạch máu đường kính 2.0-2.5mm, 2.5-3.5mm, 3.5-4.5mm. - Tương thích với ống thông gắn bóng đường kính 1.5-4.0mm, chiều dài bóng 8mm. - Có thể thu hồi sau khi thả 90% chiều dài stent. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE.	Cái	2
150	150	Vòng xoắn kim loại bít túi phình mạch - coils	Vòng xoắn kim loại chất liệu Platium với các kiểu hình xoắn khác nhau: Xoắn ốc, phức hợp 3D, siêu mềm 2D, siêu mềm 3D,…Có 2 hệ thống coil 10 và coil 18, đường kính vòng xoắn từ 1mm đến 24mm, chiều dài coil từ 1cm đến 68cm.	Cái	5
151	151	Vòng xoắn kim loại cỡ lớn	Vòng xoắn bằng platinum. lõi bằng Nitinol. Đường kính sợi coil kích cỡ 0.020". Có nhiều kích cỡ khác nhau đường kính có: 2mm ...đến 32mm, độ dài đa dạng có: 2cm ...đến 60cm.	Cái	1
152	152	Super Arrow hoặc tương đương	Dụng cụ mở đường với chức năng chốt tự động, với cổng nằm phía bên/van cầm máu và đính kèm stopcock 3 ngả. Bề mặt của sheath phủ lớp ái nước và đầu típ có đánh dấu cản quang. Chiều dài 7.5cm, 11cm.	Cái	10
153	153	Đầu nối, phụ kiện gói Tim Phổi	Đầu nối (Y Connector) 3/8 x 3/8 x 3/8inch; Heart Lung pack Accessories (nối thêm đường khi thiếu dòng)	Cái	10
154	154	Súng bắn dây	Dụng cụ đóng mạch máu bằng chỉ ngoại khoa. Khả năng đóng mạch máu có kích thước lên tới 5 - 21F (động mạch) và 5 - 24F (tĩnh mạch) Cơ chế kéo cắt (QuickCut) nằm ngay trên thân Proglide, Nút thắt được tạo sẵn, có các bước đánh số ghi trên thân.	Cái	7
155	155	Bộ khăn chụp mạch não	Bộ khăn chụp mạch não gồm: 01 x Khăn trải bàn dụng cụ 200 x 260cm: lớp plastic màu và lớp vải không dệt 3 lớp; 01 x Khăn chụp mạch vành 3 lỗ 240 x 390cm với lỗ đùi kích thước 13cm, lỗ tay kích thước 8cm; 01 x Bao kính chắn chì 120x100cm có màng thun; 01 x Tấm phủ chắn chì 150 x 180cm; 01 x Bao chụp đầu đèn đường kính 60cm; 10 x Khăn thấm 30 x 40cm; 01 x Khăn lót 50 x 60cm; 02 x Que thấm betadine 19cm; 01 x Bơm tiêm luer lock 10ml; 02 x Bơm tiêm 10ml; 10 x Gạc cotton 12 lớp 10cm x 10cm; 01 x Kim 23G; 01 x Chén nhựa xanh 1000 ml; 02 x Chén nhựa 100ml; 01 x Chén nhựa 50 ml; 01 x Khay nhựa 44cm (L) x 36cm (W) x 11cm (H); 02 x Áo phẫu thuật size L; Khăn chính làm từ vải không dệt 6 lớp SMMMMS, định lượng 47gsm, có tính năng chống thấm, chống tĩnh điện. Tiêu chuẩn ISO13485:2016, CE. Tiệt trùng EO.	Bộ	100
156	156	Vi dây dẫn can thiệp siêu nhỏ	Vi dây dẫn can thiệp siêu ái nước có đường kính 007", 008", 014" và loại có đoạn xa 0.014", đoạn gần 0.012". Đầu gần làm bằng thép không rỉ, đầu xa làm bằng nitinol giúp định hình tốt chống gãy gập. Dễ dàng tạo hình đầu xa từ phiên bản đầu D.	Cái	2
157	157	Vi ống thông can thiệp mạch máu não	Lớp ngoài cùng có phủ Hydrophilic. Loại dài 156cm (đường kính ngoài đầu gần/xa là 2.1F/1.6F, có 2 markers cản quang), loại dài 167cm (đường kính ngoài gần/xa là 2.1F/1.3F, có 1 marker cản quang, đầu thuôn nhọn)	Cái	10
158	158	Giá đỡ (stent) các loại, các cỡ	Khung giá đỡ động mạch vành các cỡ phủ thuốc Sirolimus có phủ lớp polymer sinh học tự tiêu. Chất liệu khung Cobalt Chromium L605. Độ dày mắt stent 71µm. Khung có loại 6 mắt (cho đk 2.25-2.50), 8 mắt (đk 2.75-3.50), 10 mắt (đk 4.00-5.00). Profile băng qua tổn thương 0.9mm. Polymer tương thích sinh học Polylactid acid. Nồng độ thuốc phủ: 1.25 µg/mm^2. Đường kính stent: từ 2.25-5.0mm, Độ dài stent: từ 8 - 40mm.	Cái	1

STT	STT từng nhóm	Tên vật tư y tế	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
159	159	Giá đỡ (stent) các loại, các cỡ	- 'Chất liệu: Cobalt Chromium. - Loại durable polymer, phủ thuốc Novolimus. - Độ dày thanh mắt cáo 81 µm. - Lớp phủ thuốc và polimer mỏng 3µm. - Nồng độ: 5microgram/mm độ dài stent. - Đường kính: 2.5; 2.75;3.0;3.5;4.0mm. - Độ dài: 14,18,23,28,32,38mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO	Cái	35
160	160	Giá đỡ (stent) các loại, các cỡ	Nguyên liệu làm giá đỡ: Cobalt Chromium. Loại durable polymer, phủ thuốc Novolimus. Độ dày mắt cáo 81 µm. Lớp phủ thuốc và polimer mỏng 3µm. Liều thuốc: 5microgram/mm độ dài stent Đường kính: 2.5; 2.75;3.0;3.5;4.0mm Độ dài: 14,18,23,28,32,38mm	Cái	30
161	161	Giá đỡ (stent) các loại, các cỡ	_Stent lõi Co-Cr(L605), thành Stent mỏng 60µm tất cả các đường kính nền tảng Tetrinium. Cấu trúc LDZ-link tăng tính linh hoạt. Phủ thuốc Sirolimus liều lượng 1.4µg/mm^2. Polymer 3 thành phần: PLLA, PLCL, PVP tự tiêu. Tỷ lệ co lại <4% & rút ngắn 0%. Hai marker Pt/Ir trên bóng. Sóng stent 4 crown - 6 crown - 8 crown tùy đường kính đảm bảo sự toàn vẹn cấu trúc stent. _ Đường kính: 2.0-4.5 mm, dài: 8-48mm. NP: 10 atm, RBP: 16 atm _Chứng nhận: ISO 13485:2016, CE.	Cái	35
162	162	Bóng nong (ballon) các loại , các cỡ .	_2 lớp phủ Hydrophilic bằng sóng siêu âm Glide bên ngoài và Fast bên trong. Bóng chất liệu Property pebax 2 nếp gấp (đường kính 1.0mm), 3 nếp gấp (đường kính 1.25-4.0mm) & thân ống Hypotube. _Tip profile 0.016" _Hai marker bằng Pt/Ir (1 marker cho bóng có đường kính từ 1.0-1.75mm). _ Đường kính: 1.0 mm - 4.0 mm. Chiều dài: 5mm - 30 mm. _NP: 6 atm; RBP: 14atm _Chứng nhận: ISO 13485:2016, CE.	Cái	50
163	163	Bóng nong (ballon) các loại , các cỡ .	_2 lớp phủ Hydrophilic bằng sóng siêu âm Glide bên ngoài và Fast bên trong. Bóng chất liệu Nylon 3 nếp gấp, thân ống thiết kế Hypotube. _Tip profile 0.016" _Hai marker bằng vật liệu Pt/Ir _Đường kính: 2.0mm - 5.0 mm. Chiều dài: 6mm - 30 mm. _NP: 12atm; RBP: 22atm (2.0-4.0mm), 20atm (4.5-5.0mm) _Chứng nhận: ISO 13485:2016, CE.	Cái	40
164	164	Bóng nong (balloon) các loại, các cỡ	Bóng nong mạch vành có phủ thuốc Paclitaxel với liều lượng 3.0 µg/mm². Thuốc Paclitaxel được hấp thu trên Butyryl-Tri-Hexyl Citrate (BTHC), có 3 nếp gấp, 2 điểm đánh dấu bằng Platinum-Iridium Đường kính: 2.0; 2.5; 3.0; 3.5; 4.0 mm Chiều dài: 10, 15, 20, 25, 30 mm Chứng nhận chất lượng : CE	Cái	5
165	165	Bóng nong mạch vành áp lực cao	- Chất liệu: Nylon Blend với lớp kép. Tráng phủ Hydrophilic - 3 nếp gấp - Trục gần tráng phủ PTFE - Thiết kế dạng chuyển đổi nhanh RX - Rapid Exchange - Khẩu kính đầu xa (entry profile): 0.017" - Đường kính: Ø2.0 - 4.5mm - Độ dài bóng: 10 - 30mm - Áp lực tối đa: 20 bar; Áp lực bơm bóng: 12 bar - GW tương thích 0.014" - Kích thước thân (phần xa- gần): 1.9 - 2.7F - 2 markers cản quang trên thân bóng. - Chiều dài khả dụng Catheter: 140cm - Tiêu chuẩn FDA, ISO	Cái	40

STT	STT từng nhóm	Tên vật tư y tế	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
166	166	Bộ dụng cụ lấy huyết khối	Thrombuster Pro - Chất liệu: Tetrafluoroethylene và polyethylene - Nòng dây dẫn dài 12 cm (loại GR) và 20cm (loại SL), gia cố ở đầu giúp tăng khả năng đẩy vừa giảm nguy cơ ống thông bị xoắn vặn. Ngoài ta, thiết kế stylet ở nòng hút làm tăng khả năng đẩy - Mặt cắt xiên, đường kính lòng hút lớn cho hiệu suất hút cao. - Thể tích hút: 5ml - 12ml tùy đường kính catheter - Tráng phủ Hydrophilic 30cm từ đầu típ đảm bảo trơn trượt khi đưa catheter vào mạch máu. - Kích cỡ 6F, 7F. Chiều dài khả dụng Catheter: 140cm - Tiêu chuẩn CE, ISO	Bộ	5
167	167	Bộ máy tạo nhịp tim 1 buồng	Cấu hình cho mỗi máy gồm: Máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn trong đó đã có 01 dây điện cực, 01 kim chọc mạch.Tính năng kỹ thuật: • Tính năng ImageReady cho phép bệnh nhân chụp MRI toàn thân với hệ thống, 1.5T và 3T không giới hạn thời gian chụp. Có chức năng tự động hồi phục cài đặt ban đầu sau khi ra khỏi phòng MRI. • Kết nối không dây bằng sóng RF. • Tính năng PaceSafe trong tâm thất và tâm nhĩ cho khả năng cung cấp điện chính xác để kích thích tim. • Tính năng RightRate sử dụng cảm ứng MV (Minute Ventilation) là cảm ứng có hiệu quả hồi phục lại nhịp tim sinh lý cho bệnh nhân. • Chức năng POST giúp việc kiểm tra bệnh nhân định kỳ. • Lưu trữ EGM đa kênh ≥14 phút. • EasyView: các đầu nối điện cực có ký hiệu rõ ràng giúp bác sĩ dễ dàng hơn khi đặt máy, tránh nhầm lẫn các dây điện cực nhĩ và thất. Tiêu chuẩn kỹ thuật: EC hoặc FDA	Bộ	10
168	168	Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng	Cấu hình cho mỗi máy gồm: Máy chính kèm phụ kiện tiêu chuẩn trong đó đã có 02 dây điện cực, 02 kim chọc mạch.Tính năng kỹ thuật: • Tính năng ImageReady cho phép bệnh nhân chụp MRI với hệ thống, 1.5T và 3T không giới hạn thời gian chụp. Có chức năng tự động hồi phục cài đặt ban đầu sau khi ra khỏi phòng MRI. • Kết nối không dây bằng sóng RF. • Tính năng RightRate sử dụng biến MV (Minute Ventilation) là cảm biến có hiệu quả hồi phục lại nhịp tim sinh lý cho bệnh nhân. • Tính năng AV Search+ được thiết kế để giảm thiểu tối đa kích thích thất phải không cần thiết, giảm nguy cơ suy tim. • Chức năng POST giúp việc kiểm tra bệnh nhân định kỳ. • Lưu trữ EGM đa kênh ≥14 phút. • EasyView: các đầu nối điện cực có ký hiệu rõ ràng giúp bác sĩ dễ dàng hơn khi đặt máy, tránh nhầm lẫn các dây điện cực nhĩ và thất. • Khả năng ghi nhớ dữ liệu 365 ngày. • Safety Core cho phép máy đảm bảo khả năng tạo nhịp tối thiểu cần thiết cho bệnh nhân trong trường hợp có lỗi phần mềm mà không thể phục hồi tự động.Tiêu chuẩn kỹ thuật: EC hoặc FDA	Bộ	10
169	169	Bộ bơm bóng có co nối Y	Bơm tiêm (syringe) 20cc. Áp suất tối đa 30atm. Thể tích 20cc. Tay điều khiển dạng tròn và xoay tròn, phần mang syringe và đồng hồ trong suốt. Phụ kiện: kim tiêm 20G, torque device và co nối Y cầm máu vật liệu Polycarbonate - đường kính trong lỗ van 10Fr	Bộ	5
170	170	Vi dây dẫn đường (guide wire) các cỡ	Dây dẫn đa lõi (thiết kế vòng xoắn kép) tăng độ bền đầu tip, khả năng phản hồi momen xoắn và chống giựt. Dây dẫn đơn lõi one-piece core. Tip load từ 0.3 - 20 gf hỗ trợ rất tốt cho các trường hợp can thiệp CTO. Lớp phủ: silicon, trơn hoặc lớp phủ trơn trên nền polymer. Đầu tip: straight, J, pre-shape. Chiều dài: 180, 190, 300 cm / 330cm (RG3). Chứng nhận chất lượng: ISO, CE.	Cái	30

STT	STT từng nhóm	Tên vật tư y tế	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
171	171	Dụng cụ lấy dị vật (multi-snare) trong tim mạch các cỡ	Dụng cụ bắt dị vật kích thước lớn - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA, ISO, CE - Ba vòng tròn xoắn lại với nhau và tự làm vừa kích cỡ để gộp các mạch trội nhất lại với nhau. - Dây Nitinol siêu đàn hồi có đặc tính là mềm dẻo, có độ chịu xoắn tốt, và độ xoắn được kiểm soát 1:1. - Các vòng Nitinol xoắn lại với nhau tạo nên toàn vẹn về cấu trúc. - Thước làm việc: 6-10mm, 9-15mm, 12-20mm, 18-30mm, 27-45mm - Chiều dài: 100cm	Cái	2
172	172	Bộ kết nối 3 cổng manifold	Bộ phân phối 2,3 ngã, thiết kế block body, thân Polycarbonate, chịu được áp lực 500 psi, cổng khóa male dạng xoay	Cái	100
173	173	Dây dẫn đường (guide wire) các cỡ	Dây dẫn chẩn đoán Mạch Vành và Mạch Máu Ngoại Vi dạng Starter Guidewire. Với hệ thống 0.018", 0.025", 0.028", 0.032", 0.035", 0.038"; chiều dài: 80cm, 125cm, 150cm, 180cm, 260cm. Phủ PTFE, đầu típ J, JFS, thẳng.	Cái	10
174	174	Đầu Dome phục vụ đo huyết áp xâm lấn	Dùng để chứa đầu cảm biến đo huyết áp xâm lấn	Cái	150
175	175	Đầu nối Male/male connector.	* Chất liệu: Polycarbonate * Đầu nối linh hoạt chống xoắn dây khi nối.	Cái	310
176	176	Đầu nối có van 1 chiều, theo dõi huyết động xâm lấn	Đầu male rotate. Khóa vặn OFF, áp lực 250 psi. Tốc độ 3ml/h.	Cái	150
177	177	Khớp háng toàn phần không xi măng Trilogy & M/L Taper hoặc tương đương	1.+Ổ cối (Shell) vật liệu Tivanium Ti-6Al-4V Alloy. Kích cỡ : 48 – 62 mm với mỗi bước tăng 2 mm. - Có 5 loại ổ cối: Ổ cối có 1 lỗ ở giữa, Ổ cối không lỗ, Ổ cối có một cụm lỗ, Ổ cối nhiều lỗ, Ổ cối có gai 2.+ Lót ổ cối (Liner): Ultra-High-Molecular-Weight Polyethylene (UHMWPE) - Đường kính trong: 28 mm - Đường kính ngoài: 46 – 62 mm với mỗi bước tăng 2 mm. 3.+Chỏm khớp (Head) vật liệu thép không rỉ, Đường kính đầu (head): 28 (0, ±3.5, +7) mm. 4.+Vít ổ cối (BONE SCREW): chất liệu Tivanium Ti-6Al-4V Alloy, đường kính vít 5,5mm hoặc 6.5mm, dài 25-45mm 5.+Cuống khớp vật liệu: Tivanium Ti-6Al-4V Alloy; Plasma Spray; - Cổ côn 12/14 - Kích cỡ chuôi (Stem Size) : 9- 16 mm - Chiều dài chuôi (Stem Length): 130-170mm	Bộ	10
178	178	Vít neo cố định dây chằng	Chất liệu: Nút Titanium (3.4 mm × 13 mm) được kết nối với vòng polyethylene - Thiết kế: Được thiết kế để được gắn cố định vào vỏ xương, được làm từ nút titanium nối với vòng dây polyethylene. Vật tư được bện bên trong, tạo thành 2 vòng dây kết nối với nhau và được rút ngắn bằng cách căng kéo xen kẽ trên chỉ khâu của vật tư. Cấu trúc chỉ khâu có thể rút ngắn xuống đường kính vòng 11mm và cơ chế khoá 4 nút một chiều để cố định không nút thắt có ma sát. Cố định 4 điểm không nút thắt chống lại sự dịch chuyển vòng và còn cho phép kéo căng gân ghép sau khi đã cố định .	Cái	80
179	179	Mũi khoan	Chất liệu: Thép không gỉ - Thiết kế: là loại khoan và chốt dẫn đường cho phép xâm lấn hốc xương tối thiểu từ trong ra ngoài. Giúp tự do định vị ổ cắm.	Cái	6
180	180	Chỉ khâu sụn chêm	"-Dùng để khâu tổn thương trong nội soi khớp vai & gối. -Chỉ siêu bền, chất liệu UHMWPE, có màu để dễ dàng quan sát, chiều dài từ 45 cm đến 100 cm. -Đầu kim dạng bán nguyệt, kim nhọn.	Cái	12
181	181	Dây nước dùng trong nội soi khớp	Dùng cho phẫu thuật nội soi khớp. - Dây dẫn nước áp lực trong nội soi khớp. - Bao gồm điều khiển bằng tay khử trùng.	Cái	40
182	182	Đầu đốt	Tương thích với máy cắt đốt tần số sóng vô tuyến OPES (OPES Electrosurgical Generator) Lưỡi cắt đốt nằng sóng Radio frequency, đường kính 3.75mm , góc cong 90 độ, chiều dài 160mm	Cái	6

STT	STT từng nhóm	Tên vật tư y tế	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
183	183	Lưỡi bào dùng cho nội soi khớp	Thiết kế: Lưỡi bào rộng cho phép bào được phía trước và bên hông. Thiết kế có răng hoặc không răng - Đường kính: 2.0; 3.0; 3.5; 3.8; 4.0; 4.2; 5.0; 5.5mm - Dùng 1 lần, bào cắt lọc mô xơ, thiết kế rỗng nòng để hút được các mô vụn đẩy ra ngoài, giúp trường phẫu thuật trong suốt.	Cái	2
184	184	Lưỡi mài dùng cho nội soi khớp	Lưỡi mài dùng cho phẫu thuật nội soi khớp vai & gối	Cái	1
	Tổng cộng I: 184 mặt hàng				
II. Danh mục trúng thầu bổ sung số lượng					
185	1	Bộ khăn chụp mạch vành C	01 x Khăn phủ bàn dụng cụ 165x270cm, vải SMMMS 5 lớp, chống thấm nước, chống tĩnh điện và được ép bằng vải SMMMS và màng plastic màu, dùng công nghệ phun keo tự động giúp khăn không có nếp nhăn giữa hai bề mặt. - 01 x Khăn can thiệp mạch 240x390 cm 2 lỗ đùi và 1 lỗ tay, làm bằng vải không dệt SMMMS 5 lớp có gia cố vùng thấm, có màng phẫu thuật, có màng plastic trong 2 bên. Được tiệt trùng bằng khí EO, không chứa độc tố (có kết quả kiểm tra), không gây dị ứng hoặc kích ứng cho da (có kết quả kiểm tra), không chứa cao su tự nhiên, có tính năng chống thấm nước, cồn, chống tĩnh điện và không có bụi vải, mới 100%, - 01 x Bao kính chắn chì 75x100 cm, màng plastic trong, có dây thun. - 01 x Tấm phủ chắn chì 100x140cm, màng plastic trong - 01 x Tấm phủ bàn dụng cụ 100x140, màng plastic trong - 01 x Bao chụp đầu đèn phi 65cm, màng plastic trong	Bộ	300
186	2	Gía đỡ (stent) các loại, các cỡ	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Zotarolimus. (1,6µm/mm²), có lớp Polymer Biolinx - Thiết kế stent theo kỹ thuật sóng hình Sin liên tục. Độ dày 81µm với đk: 2.0- 4.0mm, 91µm với đk: 4.5-5.0mm, độ cản quan tốt hơn, stent không bị co lại hoặc biến dạng. - Chất liệu lớp vỏ ngoài: Cobalt, lõi trong bằng chất liệu Platium Irridium. Marker bằng Platinum Irridium. lớp phủ Polimer Biolinx. - Áp lực bơm bóng thường 12atm, áp lực vỡ bóng 18 atm. - ĐK: 2.0mm, chiều dài 8,12,15,18,22,26,30mm. ĐK 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.5, 4.0mm. chiều dài 8,12,15,18,22,26,30, 34, 38mm. ĐK: 4.5, 5.0mm, chiều dài 12, 15, 18, 22, 26, 30mm. Tiêu chuẩn FDA	Cái	20
		Tổng cộng II: 02 mặt hàng			
III. Danh mục các khoa đề nghị bổ sung mới					
187	1	Lưỡi dao bào da dùng cho dao điện lấy da	1 túi / 1 cái size 100mm tiệt trùng. Phù hợp cho dao điện lấy da Nouvag	Cái	30
188	2	Băng gạc điều trị vết thương bằng áp lực âm vi năng lượng cỡ trung	Điều trị vết thương bằng áp lực âm vi năng lượng, Kích thước 150x70x1,8mm và 1 tấm film trong polyurethane, Cấu tạo: lớp màng chất liệu xốp Polyvinyl Alcohol được nén ép có các lỗ hấp thụ chạy xuyên qua gạc, băng gạc không bị dính lên vết thương, các lớp thấm chất lỏng là màng thấm 1 chiều lưu giữ dịch tiết, lớp khóa lỏng ở giữa được thiết kế dạng mạng lưới liên thông 3 chiều lấp đầy bằng bột epoxy resin, tỷ lệ hút 15g/s, gấp 10-20 lần khối lượng ban đầu của băng. Kết hợp được với máy hút dịch MJ-100 và bộ dụng cụ dùng trong điều trị áp lực âm	Miếng	20
189	3	Băng gạc điều trị vết thương bằng áp lực âm vi năng lượng cỡ lớn	Điều trị vết thương bằng áp lực âm vi năng lượng, Kích thước 200x100x1,8mm và 1 tấm film trong polyurethane, Cấu tạo: lớp màng chất liệu xốp Polyvinyl Alcohol được nén ép có các lỗ hấp thụ chạy xuyên qua gạc, băng gạc không bị dính lên vết thương, các lớp thấm chất lỏng là màng thấm 1 chiều lưu giữ dịch tiết, lớp khóa lỏng ở giữa được thiết kế dạng mạng lưới liên thông 3 chiều lấp đầy bằng bột epoxy resin, tỷ lệ hút 15g/s, gấp 10-20 lần khối lượng ban đầu của băng. Kết hợp được với máy hút dịch MJ-100 và bộ dụng cụ dùng trong điều trị áp lực âm	Miếng	20

STT	STT từng nhóm	Tên vật tư y tế	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
190	4	Bộ miếng xốp dùng trong điều trị áp lực âm kết hợp rửa vết thương cỡ nhỏ	Bộ miếng xốp dùng trong điều trị áp lực âm kết hợp rửa vết thương gồm: - Miếng xốp polyurethane kích thước 15x7x3 cm, bên trong miếng xốp có 2 ống: 1 ống dẫn lưu dài 9,5cm và 1 ống bơm rửa dài 11cm bằng silicone, có các lỗ nhỏ trên thành ống; - 1 Bộ dây hút kèm chức năng rửa có 2 dây: 1 dây hút dịch chính dài 32cm đường kính 0,6cm; 1 dây bơm rửa riêng biệt đi bên trong dây chính dài 35cm, có cổng bơm riêng với nắp đậy, có đầu nối khớp với ống bơm rửa trên băng xốp; - 1 Khóa kẹp; - 1 Đầu nối thẳng và 1 đầu nối chữ Y; - 2 tấm film trong polyurethane kích thước 30x20cm. Dùng tương thích với máy hút dịch MJ-100	Bộ	20
191	5	Bộ miếng xốp dùng trong điều trị áp lực âm kết hợp rửa vết thương cỡ trung	Bộ miếng xốp dùng trong điều trị áp lực âm kết hợp rửa vết thương gồm: - Miếng xốp polyurethane kích thước 15x14x3 cm, bên trong miếng xốp có 2 ống: 1 ống dẫn lưu dài 10,5cm và 1 ống bơm rửa dài 11,5cm bằng silicone, có các lỗ nhỏ trên thành ống; - 1 Bộ dây hút kèm chức năng rửa có 2 dây: 1 dây hút dịch chính dài 32cm đường kính 0,6cm; 1 dây bơm rửa riêng biệt đi bên trong dây chính dài 35cm, có cổng bơm riêng với nắp đậy, có đầu nối khớp với ống bơm rửa trên băng xốp; - 1 Khóa kẹp; - 1 Đầu nối thẳng và 1 đầu nối chữ Y; - 2 tấm film trong polyurethane kích thước 30x20cm. Dùng tương thích với máy hút dịch MJ-100	Bộ	20
192	6	Bộ miếng xốp dùng trong điều trị áp lực âm kết hợp rửa vết thương cỡ lớn	Bộ miếng xốp dùng trong điều trị áp lực âm kết hợp rửa vết thương gồm: - Miếng xốp polyurethane kích thước 25x15x3 cm - 1 Bộ dây hút kèm chức năng rửa có 2 dây: dây hút dịch chính dài 32cm đường kính 0,6cm; dây bơm rửa riêng biệt đi bên trong dây chính dài 35cm, có cổng bơm riêng với nắp đậy, có đầu nối khớp với ống bơm rửa trên băng xốp; - 1 Khóa kẹp; - 1 Đầu nối thẳng và 1 đầu nối chữ Y; - 3 tấm film trong polyurethane kích thước 30x20cm. Dùng tương thích với máy hút dịch MJ-100	Bộ	20
193	7	Bộ dụng cụ dùng trong điều trị áp lực âm kết hợp rửa vết thương	Bộ dụng cụ gồm: - 1 Bộ dây hút kèm chức năng rửa có 2 dây: dây hút dịch chính dài 32cm đường kính 0,6cm; dây bơm rửa riêng biệt đi bên trong dây chính dài 35cm, có cổng bơm riêng với nắp đậy, có đầu nối khớp với ống bơm rửa trên băng xốp; - 1 Khóa kẹp; - 1 Đầu nối thẳng và 1 đầu nối chữ Y; Dùng tương thích với máy hút dịch MJ-100	Bộ	20
194	8	Bộ bình chứa và dây nối dùng trong điều trị áp lực âm kết hợp rửa vết thương	Bình chứa dịch dùng cho máy hút dịch MJ-100 được làm bằng nhựa PVC trong suốt, hình trụ tròn có 1 mặt được vát phẳng để khớp với khoang chứa trên máy, chiều cao 19cm, đường kính 8cm, có dung tích 600mL được chia vạch mỗi 50mL, nắp cao su đóng mở được và có thiết kế hệ thống chống tràn, gồm 2 cổng gắn dây; dây nối từ bình đến bộ miếng xốp điều trị áp lực âm kết hợp rửa vết thương được làm bằng silicone trắng, chiều dài dây 150cm. Dùng tương thích với máy hút dịch MJ-100 có áp lực âm tạo được tối đa 35kpa, dòng chảy <10L/min, pin lithium 2900mAh, chu trình hoạt động cài được từ 1-99 phút	Bộ	30
195	9	Kim điện cơ sử dụng 1 lần, dài 37mm	Kim điện cơ đồng tâm dùng 1 lần, dùng để ghi nhận sóng điện cơ. -Chất liệu: Lõi ống bằng thép không gỉ. -Kích cỡ: dài 37mm, đường kính 0.45mm, chuẩn 26G (Gauge), diện tích ghi 0.085mm², mũi vác 15°, DEHP < 0.1%, chuôi kim có màu xanh lá, đã được khử trùng với hạn dùng 36 tháng Tiêu chuẩn ISO 13485, CE,. FSC	Cây	100
196	10	Chuôi kim điện cơ	Dây dài 1.25m, đầu gắn kim loại pogo pin, đầu kết nối bộ khếch đại loại 5-pole DIN. Cắm vào hầu hết các thiết bị EMG. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE , FSC	Dây	2
197	11	Gel tẩy da dùng cho điện cơ, điện não	Hiệu quả làm giảm trở kháng để cải thiện tín hiệu của dẫn truyền. Công thức mài mòn nhẹ giúp cải thiện độ dẫn điện để đạt được hiệu quả tối đa với thiết bị. Lọ ≥ 114 gam Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA	Lọ	1
198	12	Dây truyền dịch PE	Dây truyền dịch có cổng thông khí và màng lọc hydrophobic ngăn chặn vi khuẩn Buồng nhỏ giọt hình trụ trong suốt. Đĩa lọc chất lỏng 15micro bên dưới buồng nhỏ giọt lọc bất kì hạt nào trong chất lỏng Có cổng Y không chứa latex vật liệu poly isoprene dùng để bơm thuốc Khóa điều chỉnh con lăn hiệu quả đảm bảo kiểm soát tốc độ dòng chảy tốt hơn Ống dây chống gẫy gập dài 150cm, 20 giọt/phút Tiệt trùng EO, Không DEPH, Không latex	cái	40

STT	STT từng nhóm	Tên vật tư y tế	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
199	13	Giá đỡ (stent) các loại, các cỡ	1. Vật liệu: - Chất liệu khung stent bằng hợp kim Cobalt Chromium (Cobalt Crom L-605), bề dày 0.0032". phủ thuốc Everolimus 88µg phóng thích thuốc trong 120 ngày, bề dày khung 81µm 2. Kích thước: - Đường kính: 2.0, 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.25, 3.5, 4.0mm. - Chiều dài: 8, 12, 15, 18, 23, 28, 33, 38mm. 3. Đặc điểm thiết kế: - Khuôn thiết kế dạng mở, lượn sóng, liên kết giữa các vòng cao và rộng giúp tăng độ uốn và lực đỡ. - Bóng trong stent bằng pebax, 2 lớp ái nước, điểm đánh dấu bằng thép tungsten, phủ thuốc everolimus ngăn cản sự tăng sinh mà không làm chết tế bào. -Thiết kế tip linh hoạt với đồng trục hệ thống định vị (CPS) cho hiệu suất cao nhất trong các tổn thương vôi hóa, ngoằn ngoèo, phức tạp.	Cái	30
200	14	Bơm áp lực cao	Bộ bơm bóng Indeflator 20/30 có van Copilot -Indeflator Plus 20/30 là bộ bơm bóng nong mạch vành vật liệu làm bằng Polycarbonate, có áp lực tối đa 30atm, dung tích 20ml (Kim tiêm - syringe 20cc) -Van kiểm soát máu trào ngược COPILOT: đường kính trong 0,096". Dụng cụ có hai khóa hoạt động độc lập: khóa kẹp và khóa van kiểm soát máu trào ngược, chóng rỉ máu. -Dụng cụ đặt dây dẫn (Guidewire Introducer): có đường kính từ 0,009" đến 0,018" -Dụng cụ xoay (Torque Device): có đường kính từ 0,009" đến 0,018" * Ứng dụng: hỗ trợ tốt trong quá trình bơm bóng can thiệp, làm xẹp bóng nhanh, giúp thủ thuật nhanh hơn, có kèm khóa chữ Y dạng bấm. Bệnh nhân ít bị chảy máu khi phẫu thuật.	Cái	100
201	15	Ống thông dẫn đường (guiding catheter) các loại, các cỡ	* Ống thông trợ giúp can thiệp mạch vành * Vật liệu Vest-Tech Nylon tăng khả năng bắt cản quang * Kích thước lòng lớn cho phép đưa nhiều dụng cụ hỗ trợ hơn vào lòng ống * Kích thước: đầy đủ các kích cỡ 5F, 6F,7F,8F với lòng ống tương ứng là 0.058"; 0.071"; 0.081"; 0,090" * Có nhiều kiểu dáng với trên 230 độ cong khác nhau JL, JR, AL,AR, SL, SAL, CHAMP, RBU, NOTO, 3DRIGHT.....để đáp ứng các thủ thuật can thiệp. Đặc biệt có độ cong tốt, ổn định, an toàn, ít gây tổn thương. Tiêu chuẩn FDA và CE	cái	100
202	16	Bóng nong (ballon) các loại , các cỡ .	- Chất liệu: Polyamide resin. - Tráng phủ Hydrophilic thế hệ mới. Giúp bóng di chuyển dễ dàng qua những tổn thương phức tạp, đặc biệt trong CTO. - Khẩu kính đầu xa (entry profile): 0.0165" hoặc 0.157" - Khẩu kính bóng (crossing profile): 0.63mm hoặc 0.58mm - Đường kính: 1.0 - 4.0mm (có loại .25 và .75) - Áp lực tối đa: 14 bar; Áp lực bơm bóng: 6 bar - Thời gian xẹp bóng: ' trong khoảng từ 9 giây đến 12 giây - 2 markers cản quang. - Chiều dài khả dụng Catheter: 146cm	cái	50
203	17	Mũi khoan tròn 702	Dùng phẫu thuật xương hàm	Cái	50
204	18	Mũi khoan trụ 703	Dùng phẫu thuật xương hàm	Cái	50
		Tổng cộng III: 18 mặt hàng			
Tổng cộng I + II + III: 204 mặt hàng					

Tên nhà thầu:

Địa chỉ:

Số điện thoại-email….

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, chúng tôi .... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm như sau:

1. Báo giá cho các vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm:

STT	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Đặc tính kĩ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền (VND)
	(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*
1										
2										
	Tổng cộng: mặt hàng									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... Ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin nêu trong Thông báo mời chào giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các vật tư y tế tiêu hao, hóa chất, hóa chất xét nghiệm nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

……, ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp *(12)*

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Danh mục hàng hóa theo Thông báo mời chào giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi;

(2) Chủng loại vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm (Tên thương mại/ tên thường dùng/tên Tiếng Anh (nếu có)) tương ứng với từng danh mục hàng hóa ghi tại cột (1);

(3) Đặc tính kĩ thuật (thông số kĩ thuật) của vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm tương ứng với chủng loại ghi tại cột (2);

(4) Tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm tương ứng với chủng loại ghi tại cột (2);

(5) Mã HS của từng vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm;

(6), (7) Năm sản xuất, xuất xứ của vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm;

(8) Số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Thông báo mời chào giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi;

(9) Đơn giá bằng đồng Việt Nam (VND) tương ứng với từng danh mục hàng hóa (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có));

(11) Thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND) là toàn bộ đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí (9) của từng vật tư y tế tiêu hao/ hóa chất, hóa chất xét nghiệm đã tính theo đúng số lượng, khối lượng (8) tương ứng;

Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.